|  |  |
| --- | --- |
| HĐND TỈNH KON TUM | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **ĐOÀN GIÁM SÁT** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: 12/BC-ĐGS | *Kon Tum, ngày 29 tháng 11 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh về Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 2.

Thực hiện Luật Giám sát của Quốc hội và HĐND; Đoàn giám sát của HĐND tỉnh đã tiến hành giám sát và báo cáo kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh về Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 và Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND *(sau đây viết là Đề án NNUDCNC)* như sau([[1]](#footnote-1)):

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện các giải pháp chủ yếu**

***1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành:*** UBND tỉnh đã có Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 ban hành Đề án; các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch *(có Phụ lục số 1 kèm theo)* triển khai các đề án, chương trình, kế hoạch có liên quan([[2]](#footnote-2)) để tổ chức thực hiện.

***1.2. Kết quả thực hiện các giải pháp chủ yếu***

- *Công tác tuyên truyền, vận động*: Các cấp, các ngành đã thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách phát triển NNUDCNC đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức([[3]](#footnote-3)) nhằm thu hút đầu tư của các doanh nghiệp và vận động Nhân dân hưởng ứng chủ trương dồn đổi, tích tụ đất nông nghiệp để xây dựng cánh đồng lớn, phát triển NNUDCNC.

- *Công tác quản lý nhà nước*: Đã rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tiến hành thu hồi đất của các dự án chậm triển khai để bố trí cho tổ chức, cá nhân phát triển NNUDCNC([[4]](#footnote-4)); hoàn thiện quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; rà soát, điều chỉnh, ban hành danh mục các dự án đầu tư hạ tầng nông nghiệp quan trọng sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020([[5]](#footnote-5)); đẩy mạnh việc cải cách thủ tục hành chính([[6]](#footnote-6)) và triển khai nhiều hoạt động xúc tiến thương mại([[7]](#footnote-7)). Đồng thời, tập trung đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật *(thủy lợi, điện, đường giao thông…)* tại các khu, vùng NNUDCNC.

- *Công tác thu hút đầu tư, huy động và đa dạng hóa nguồn vốn*: Đã ban hành danh mục Dự án thu hút đầu tư vào tỉnh Kon Tum giai đoạn 2018-2020 với 37 dự án sản xuất NNUDCNC, dự án trồng và chế biến dược liệu với quy mô lớn; lồng ghép các nguồn vốn đầu tư *(từ các chương trình, dự án)*([[8]](#footnote-8)); chú trọng tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến và cải thiện môi trường đầu tư([[9]](#footnote-9))... Đến nay, đã thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư phát triển NNUDCNC, trong đó có doanh nghiệp lớn có tiềm lực *(như: TH True Milk)*([[10]](#footnote-10)).

- *Công tác nghiên cứu, hợp tác, chuyển giao và ứng dụng công nghệ*: Đã phê duyệt, thực hiện 13 đề tài, dự án khoa học và công nghệ NNUDCNC. Trong đó, tập trung vào công nghệ mô hom để sản xuất giống cây trồng([[11]](#footnote-11)), dược liệu([[12]](#footnote-12)), thủy sản([[13]](#footnote-13)); tiếp nhận các quy trình công nghệ nhân giống Invitro và kỹ thuật trồng, chăm sóc một số loại cây trồng([[14]](#footnote-14)); chủ động thực hiện được các quy trình nhân giống, sản xuất một số sản phẩm([[15]](#footnote-15)) phù hợp với điều kiện địa phương; hỗ trợ và xây dựng một số mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại các đơn vị, địa phương.

**2. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của Đề án**

***2.1. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu, nhiệm vụ** | **Kết quả** | **Ghi chú** |
| 1 | Tỷ trọng giá trị sản xuất NNUDCNC đến năm 2020 đạt từ 10 - 15% so với giá trị sản xuất nông nghiệp chung | Đạt | 17,16% |
| 2 | Có ít nhất 05 vùng và 03 khu NNUDCNC trên địa bàn tỉnh | Không đạt | Có 02 vùng và 01 khu NNUDCNC |
| 3 | Có ít nhất 03 doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp NNUDCNC | Không đạt | Có 02 doanh nghiệp |
| 4 | Hình thành ít nhất 02 cơ sở chế biến sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có khả năng cạnh tranh cao để tiêu thụ tại thị trường trong nước và xuất khẩu | Đạt | ([[16]](#footnote-16)) |

*(Có Phụ lục số 2, 3 kèm theo)*

***2.2. Kết quả thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư***

*a) Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của Trung ương:*

- *Chính sách ưu đãi về đất đai và thuế*: Các tổ chức, cá nhân có dự án nông nghiệp, NNUDCNC được hưởng chính sách ưu đãi về đất đai theo quy định tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ như: miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản; miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 11 năm sau thời gian xây dựng cơ bản.

- *Chính sách tín dụng*: Các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh đã cho vay 51,2 tỷ đồng đối với doanh nghiệp NNUDCNC được công nhận; 11,7 tỷ đồng với 02 doanh nghiệp nông nghiệp sạch.

*b) Các chính sách lồng ghép của tỉnh:* Đã thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp NNUDCNC([[17]](#footnote-17)) và đào tạo nguồn nhân lực([[18]](#footnote-18)).

*(Có Phụ lục số 4 kèm theo)*

**3. Về kết quả triển khai thực hiện các nguồn vốn giai đoạn 2016-2020**

***3.1. Kết quả triển khai thực hiện các giải pháp huy động vốn***

- Thu hút và triển khai 27 dự án nông nghiệp áp dụng công nghệ cao còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký đạt 6.996,182 tỷ đồng; quyết định giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án nông nghiệp với diện tích đất cho thuê 889,71ha.

- Từ 2017-2019, bố trí 1.115 tỷ đồng đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp phát triển NNUDCN từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, vốn trái phiếu Chính phủ...

***3.2. Kết quả thực hiện nguồn ngân sách Trung ương:*** Không.

***3.3. Kết quả thực hiện nguồn ngân sách địa phương***

- Vốn đầu tư: UBND tỉnh quyết định đầu tư 02 dự án([[19]](#footnote-19)) với tổng mức đầu tư 85.800 triệu đồng; đến năm 2020 đã bố trí 51.007 triệu đồng.

- Lồng ghép các nguồn vốn khác: Bố trí 24.136 triệu đồng từ 02 Chương trình mục tiêu quốc gia([[20]](#footnote-20)) hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương triển khai nhiều nội dung([[21]](#footnote-21)) có tính chất bổ trợ để hoàn thành các mục tiêu của Đề án.

- Vốn hỗ trợ, khuyến khích đầu tư: Giải ngân 922,8 triệu đồng từ Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh giai đoạn 2017 - 2020 cho 10 dự án (ý tưởng) khởi nghiệp.

*(Có Phụ lục số 5 kèm theo)*

**4. Hiệu quả kinh tế - xã hội của Đề án sau 5 năm triển khai thực hiện**

- Hiệu quả kinh tế: Một số mô hình sản xuất NNUDCNC điển hình đã thể hiện rõ những ưu điểm và thế mạnh vượt trội so với sản xuất nông nghiệp truyền thống([[22]](#footnote-22)). Giá trị sản phẩm NNUDCNC có bước tăng trưởng, chiếm tỷ trọng 17,16% trong tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp.

- Hiệu quả xã hội: Các mô hình sản xuất NNUDCNC bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho một bộ phận lao động nông thôn, tạo đột phá bước đầu trong phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng hiện đại, bền vững; thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh trong lĩnh vực phát triển NNUDCNC. Nhận thức của cán bộ, đảng viên, Nhân dân trên địa bàn tỉnh về NNUDCNC dần được nâng lên, thể hiện chủ trương của tỉnh về phát triển NNUDCNC là đúng đắn.

**5. Công tác theo dõi, kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện:** Hầu hết các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các huyện, thành phố đã tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và đôn đốc các đơn vị chuyên môn, các cơ quan liên quan, UBND cấp xã trong quá trình thực hiện Đề án. Tuy nhiên, tại một số đơn vị, địa phương chỉ thực hiện qua công tác báo cáo hoặc lồng ghép trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ khác.

**6. Công tác sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện:** Công tác báo cáo đánh giá kết quả được thực hiện hàng năm. Năm 2019, theo ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các đơn vị, địa phương đã tiến hành sơ kết 03 năm việc thực hiện Đề án. Đến nay, UBND tỉnh đã trình hồ sơ báo cáo tổng kết Đề án trình Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XVI, nhiệm kỳ 2020-2025.

**II. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

**1. Những khó khăn, hạn chế**

- Một số mục tiêu, nhiệm vụ chưa đạt theo kế hoạch đề ra như: hình thành ít nhất 03 khu, 05 vùng NNUDCNC; 03 doanh nghiệp NNUDCNC; cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp NNUDCNC.

- Việc liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị còn yếu và thiếu; quy mô nhỏ lẻ, phân tán, hàm lượng công nghệ cao còn thấp nên năng suất chưa cao, sức cạnh tranh thấp. Riêng vùng NNUDCNC Măng Đen chưa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm liên kết theo chuỗi giá trị như quy định tại Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thu hút đầu tư vào lĩnh vực NNUDCNC chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, nhất là công nghiệp chế biến sau thu hoạch, chế biến sâu.

- Việc dồn đổi, tích tụ đất nông nghiệp để xây dựng “cánh đồng lớn” phục vụ phát triển NNUDCNC tại các huyện, thành phố hầu hết chưa đáp ứng mục tiêu theo kế hoạch của UBND tỉnh đề ra.

- Các doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong huy động vốn ngân hàng, các ngân hàng chưa chấp nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất thuê của dự án và tài sản là nhà kính trên đất. Nhiều doanh nghiệp chưa thực hiện đúng cam kết đầu tư; vai trò của các hiệp hội chưa được phát huy.

- Một số địa phương còn gặp khó khăn trong việc rà soát quỹ đất phục vụ cho phát triển NNUDCNC *(huyện Ia H’Drai: đất rừng chưa thể chuyển đổi theo quy định của Chính phủ)*.

- Trong lĩnh vực khoa học và công nghệ: Nhân lực, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu; kết quả chuyển giao, nhân rộng trong sản xuất còn khiêm tốn, quy mô nhỏ.

- Hiệu quả công tác tuyên truyền, quảng bá về sản xuất NNUDCNC chưa cao, chưa thu hút được đông đảo nông dân, doanh nghiệp tham gia; chưa hình thành được nhiều chuỗi sản xuất.

- Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện của các địa phương còn hình thức, chủ yếu thông qua báo cáo định kỳ.

**3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc và hạn chế**

***3.1. Nguyên nhân chủ quan***

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nhà nước tại các đơn vị, địa phương còn nhiều hạn chế([[23]](#footnote-23)). Qua 5 năm triển khai, một số chính sách của Trung ương, của tỉnh vẫn chưa được thực hiện([[24]](#footnote-24)).

- Một số đơn vị, địa phương chưa thực sự chủ động, quyết liệt trong triển khai Đề án. Chưa phát huy vai trò phối hợp của các sở, ban, ngành của tỉnh trong hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại các địa phương.

- Tiềm lực khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực NNUDCNC của tỉnh chưa đáp ứng trong công tác nghiên cứu và chuyển giao; các huyện thiếu các tổ chức nghiên cứu - triển khai.

- Năng lực của đa số mô hình kinh tế tập thể *(tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã...)* chưa đáp ứng để sản xuất và liên kết sản xuất NNUDCNC.

- Vai trò của doanh nghiệp trong phát triển NNUDCNC để tạo chuỗi giá trị các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của tỉnh chưa được quan tâm đúng mức.

***3.2. Nguyên nhân khách quan***

- Do địa hình tự nhiên của tỉnh chủ yếu là đồi, dốc, bị chia cắt... nên việc tích tụ ruộng đất, hình thành cánh đồng lớn phục vụ phát triển NNUDCNC gặp khó khăn.

- Nguồn lực của ngân sách tỉnh còn hạn chế nên không triển khai thực hiện được đầy đủ chính sách các ưu đãi theo quy định của Trung ương *(như: đầu tư cơ sở, hạ tầng, thiết bị, linh kiện, nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao…)*; nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển NNUDCNC còn thiếu, nhiều nơi xa trung tâm, giao thông khó khăn, chi phí vận chuyển tăng cao.

- Nhân lực quản lý và lực lượng lao động trực tiếp về sản xuất NNUDCNC chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu kĩ năng sản xuất trên quy mô lớn, hiện đại.

- Yêu cầu về vốn đầu tư cho sản xuất NNUDCNC lớn, vượt quá khả năng của các hộ gia đình, của hợp tác xã.

**III. KIẾN NGHỊ**

Đoàn giám sát của HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh thực hiện và chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

1. Sau khi có chủ trương của Tỉnh ủy, nghiên cứu, xây dựng Đề án về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ tính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành([[25]](#footnote-25)).

2. Chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị có liên quan xác định khó khăn, nguyên nhân và vai trò trách nhiệm của các đơn vị liên quan đối với việc chưa thể cho thuê tài sản công tại Ban Quản lý Khu NNUDCNC Măng Đen, qua đó phát huy hiệu quả sử dụng tài sản.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh: Tăng cường công tác phối hợp, nâng cao chất lượng, hiệu quả tham mưu UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phát triển NNUDCNC; chủ động trong tham mưu UBND tỉnh xin ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương; theo chức năng, nhiệm vụ được giao thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố phát triển NNUDCNC; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện và khắc phục những hạn chế, yếu kém.

4. Có kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về phát triển NNUDCNC đáp ứng thực hiện các yêu cầu về nhiệm vụ trong giai đoạn tiếp theo.

5. Rà soát tiến độ đầu tư của các dự án đã được giao đất, đôn đốc các dự án chậm tiến độ. Tiếp tục thu hút các doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư phát triển NNUDCNC vào tỉnh, trong đó ưu tiên doanh nghiệp chế biến. Hướng dẫn và ưu tiên thực hiện các quy trình, thủ tục về cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư của Trung ương, của tỉnh đối với doanh nghiệp đầu tư phát triển NNUDCNC.

6. Đẩy mạnh nghiên cứu, hợp tác, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, nâng cao hàm lượng khoa học và công nghệ trong nông nghiệp với phạm vi, quy mô tăng dần; phát huy hiệu quả đầu tư của dự án Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Kon Tum.

7. UBND các huyện, thành phố chủ động, tích cực hơn trong công tác thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân, xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất NNUDCNC.

8. UBND huyện Kon Plông rà soát lại các tiêu chí hình thành vùng NNUDCNC Măng Đen, có giải pháp hoàn thành tiêu chí về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm liên kết theo chuỗi giá trị.

9. Xem xét, giải quyết những đề xuất, kiến nghị của các đơn vị, địa phương *(có Phụ lục số 6 kèm theo)*.

Trên đây là báo cáo của Đoàn Giám sát HĐND tỉnh về việc thực hiện Đề án phát triển NNUDCNC gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Hội đồng nhân dân tỉnh (báo cáo);  - Ban Thường vụ Tỉnh ủy (báo cáo);  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Thành viên Đoàn Giám sát;  - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;  - Lưu: VT, TH. | **TM. ĐOÀN GIÁM SÁT**  **TRƯỞNG ĐOÀN**  *(Đã ký)*  **PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH**  **Nguyễn Thế Hải** |

1. () Đoàn giám sát đã giám sát trực tiếp tại UBND tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan, UBND huyện Kon Plông; các huyện, thành phố còn lại giám sát qua báo cáo *(do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và mưa bão)*. [↑](#footnote-ref-1)
2. () Như: Đề án thực hiện dồn đổi, tích tụ đất nông nghiệp để xây dựng “cánh đồng lớn" thực hiện phát triển NNUDCNC, chương trình hành động triển khai thực hiện 03 lĩnh vực đột phá phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp hữu cơ, phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản… [↑](#footnote-ref-2)
3. () Thông qua các cuộc họp chi bộ, giao ban, hội nghị tuyên truyền của các cơ quan, đơn vị; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện ghi hình và xây dựng phóng sự tuyên truyền; Báo Kon Tum viết tin, bài tuyên truyền về chủ trương phát triển NNUDCNC; các Sở, ban ngành tỉnh, các huyện, thành phố thường xuyên đăng tin về các chính sách ưu đãi phát triển NNCNC trên Trang thông tin điện tử... [↑](#footnote-ref-3)
4. () Rà soát, thu hồi 05 dự án với 533,3 ha đất sản xuất NNUDCNC và 2.065 ha đất trồng rừng nguyên liệu giấy trên địa bàn huyện Kon Plông, thu hồi 03 dự án để bố trí cho các tổ chức cá nhân khác có nhu cầu. [↑](#footnote-ref-4)
5. () Gồm 11 dự án, với tổng mức đầu tư 1.448,1 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-5)
6. () Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai theo hướng tạo điều kiện tối đa cho 41 dự án thuê đất với quy mô 2.294,89 ha để sản xuất NNUDCNC. [↑](#footnote-ref-6)
7. () Kết nối, phân phối sản phẩm của địa phương vào hệ thống siêu thị Co.op mart, Vinmart; vận động, kết nối các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh tham gia các hội chợ, hội thảo, Hội nghị kết nối giao thương...; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Sàn thương mại điện tử tỉnh Kon Tum; Hỗ trợ 10 doanh nghiệp thực hiện truy xuất nguồn gốc qua hệ thống https://etrace.kontum.vn; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia ứng dụng thương mại điện tử... [↑](#footnote-ref-7)
8. () Chương trình 135; Quyết định 102/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình trợ cước, trợ giá... ngân sách địa phương và nguồn lực của cộng đồng. [↑](#footnote-ref-8)
9. () Đã ban hành “Đề án cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tỉnh Kon Tum đến năm 2020”; đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao chỉ số PCI; tiếp tục thực hiện Chương trình hành động về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; tổ chức đoàn lãnh đạo cấp cao của tỉnh tham dự xúc tiến đầu tư, thương mại, sự kiện quảng bá địa phương và thiết lập quan hệ hữu nghị và hợp tác tại một số nước (Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Israel, Pháp). [↑](#footnote-ref-9)
10. () Đến nay, đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 31 dự án NNUDCNC với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 7.194,586 tỷ đồng. Trong đó, có 03 dự án chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao với tổng vốn đăng ký 5.366,489 tỷ đồng; 28 dự án trồng rau củ quả, dược liệu ứng dụng công nghệ cao với tổng vốn đăng ký 1.828,097 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-10)
11. () Sản xuất meo giống và nuôi các loại nấm ăn, nấm dược liệu, chuối, dâu tây, các loại lan rừng, Lan Hồ điệp, Địa lan, Trúc phật bà, Thạch học tía, Lan giả hạc. [↑](#footnote-ref-11)
12. () Sâm dây, Lan kim tuyến, Đương quy... [↑](#footnote-ref-12)
13. () Công nghệ ươm ấp cá giống nước ngọt để phục vụ sản xuất. [↑](#footnote-ref-13)
14. () Lan hồ điệp, Hoa đồng tiền, Hoa cúc, Hoa lily, Lan kim tuyến... [↑](#footnote-ref-14)
15. () Như: Quy trình nhân giống Sâm dây, Quy trình nhân giống cây Kim tuyến, Quy trình sản xuất Chế phẩm sinh học đa chức năng, Quy trình nhân giống và sản xuất Nấm Đông trùng hạ thảo… [↑](#footnote-ref-15)
16. () Có 139 cơ sở chế biến nông thủy sản. Trong đó, có 23 cơ sở chế biến nông sản quy mô vừa; 01 Nhà máy chế biến Rượu sim và nước giải khát sử dụng công nghệ của Pháp và Malaysia; 03 Hợp tác xã có hoạt động chế biến sản phẩm dược liệu và chuối sử dụng công nghệ Việt Nam tự động và bán tự động để thực hiện các khâu từ chế biến, chiết suất và đóng gói sản phẩm. [↑](#footnote-ref-16)
17. () Hỗ trợ 01 doanh nghiệp và 34 dự án. [↑](#footnote-ref-17)
18. () Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường và áp dụng khoa học và công nghệ cho 1.000 học viên; liên kết đào tạo 35 học viên trình độ Trung cấp nghề chăn nuôi thú y; đào tạo nghề nông nghiệp với tổng số lao động nông thôn được đào tạo nghề là 12.615 người() với kinh phí khoảng 21.445 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-18)
19. () Dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen *(giai đoạn 1);* Dự án Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Kon Tum. [↑](#footnote-ref-19)
20. () Năm 2018: 58.794 triệu đồng (CTMTQG NTM 8.300 triệu đồng, CTMTQG GNBV 50.494 triệu đồng); Năm 2019: 52.461 triệu đồng (CTMTQG NTM 13.150 triệu đồng, CTMTQG GNBV 39.311 triệu đồng); Năm 2020: 66.390 triệu đồng (CTMTQG NTM 25.300 triệu đồng, CTMTQG GNBV 41.090 triệu đồng). [↑](#footnote-ref-20)
21. () Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm; Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo. [↑](#footnote-ref-21)
22. () Chủ động được mùa vụ, giảm chi phí, hạ giá thành, tăng năng suất, chất lượng nông sản, tạo giá trị gia tăng, bảo vệ môi trường, góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất sang phát triển các sản phẩm chủ lực, có lợi thế so sánh và giá trị kinh tế cao của tỉnh. [↑](#footnote-ref-22)
23. () Cụ thể:

    - Đề án của UBND tỉnh ban hành ngày 25/10/2016, một số đơn vị chậm trễ trong việc cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch của địa phương (*Thành phố Kon Tum: HĐND thành phố ban hành Nghị quyêt số 03/2018/NQ-HĐND ngày 20/12/2018; UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 28/6/2019* ***(sau 03 năm)****; Huyện Ia H’Drai, Kon Rẫy xây dựng kế hoạch năm 2020* ***(sau 04 năm)***); một số địa phương không ban hành kế hoạch thực hiện (gồm UBND các huyện: Đăk Glei, Ngọc Hồi, Sa Thầy, Tu Mơ Rông).

    - Đến nay, Khu NNUDCNC tại thành phố Kon Tum và huyện Đăk Hà chưa hoàn thành. Đối với Khu NNUDCNC Măng Đen, từ tháng 11/2019 đến tháng 9/2020, UBND huyện Kon Plông và Sở Tài chính đã có 04 lượt trao đổi văn bản về việc thẩm định, trình Đề án cho thuê tài sản công của Ban Quản lý Khu NNUDCNC Măng Đen *(là hệ thống nhà màng với diện tích 36.288m2)*, nhưng đến nay Đề án cho thuê vẫn chưa hoàn thành, nên không áp dụng các chính sách khuyến khích đầu tư theo Nghị quyết đã đề ra. [↑](#footnote-ref-23)
24. () Gồm có: *Các chính sách của Trung ương* về hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường, hỗ trợ đầu tư cơ sở; *các chính sách của tỉnh* về khuyến khích xây dựng nhà ở cho lao động, hỗ trợ khởi nghiệp doanh nghiệp NNUDCNC, hỗ trợ lãi suất vay thương mại. [↑](#footnote-ref-24)
25. () Trên cơ sở kế thừa những kết quả đã đạt được của Đề án trong giai đoạn vừa qua, rút kinh nghiệm từ những khó khăn, vướng mắc trong cơ chế, chính sách để thực hiện trong giai đoạn tiếp theo. [↑](#footnote-ref-25)